

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 7h45

Ngày thi: 24

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA0101	NGUYỄN ĐĂNG	MINH	11/06/1999		
2	TA0102	TRẦN CÔNG	MINH	20/09/2000		
3	TA0103	NGUYỄN MẬU	MUÔN	26/12/1999		
4	TA0104	VÕ MINH	NAM	17/11/1999		
5	TA0105	NGUYỄN THÀNH	NAM	13/08/2000		
6	TA0106	MÙI SƠN	NAM	21/05/1999		
7	TA0107	KHÔNG TIẾN	NAM	06/11/1996		
8	TA0108	ĐỖ VŨ HẰNG	NGA	19/04/2000		
9	TA0109	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	13/02/2000		
10	TA0110	TRƯỜNG CÔNG	NGHĨA	18/03/2000		
11	TA0111	LÊ QUANG	NHẬT	19/03/1999		
12	TA0112	NGUYỄN THỊ	NHU	30/10/1994		
13	TA0113	NGUYỄN THỊ THU	OANH	28/12/1999		
14	TA0114	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	23/10/1974		
15	TA0115	LÊ THANH	PHONG	14/01/1999		
16	TA0116	ĐOÀN THỂ	PHONG	29/07/1999		
17	TA0117	LÊ QUANG	PHÚ	29/04/1999		
18	TA0118	ĐẶNG VĂN	PHÚC	24/12/1999		
19	TA0119	NGUYỄN HÀ	PHÚC	10/09/1999		
20	TA0120	MẠC THỊ BÍCH	PHƯỢNG	10/10/1999		
21	TA0121	ĐOÀN HỒNG	QUÂN	02/06/1999		
22	TA0122	HOÀNG MINH	QUÂN	26/11/1999		
23	TA0123	NGUYỄN HẢI	QUÂN	05/09/1988		
24	TA0124	VŨ HỒNG	QUANG	19/08/1999		
25	TA0125	NGUYỄN NGỌC	QUÝ	01/05/2000		

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
26	TA0126	NGUYỄN NGỌC	QUÝ	15/06/1999		
27	TA0127	ĐINH HOÀNG	QUÝ	22/06/1999		
28	TA0128	NGUYỄN THỊ THU	QUYÊN	13/02/1999		
29	TA0129	LÊ CÔNG	QUYÊN	22/10/1999		
30	TA0130	TRẦN ĐỨC	SƠN	26/10/1999		
31	TA0131	THÁI BÁ	TÀI	02/02/1998		
32	TA0132	BÙI VĂN	TÂM	27/08/1999		
33	TA0133	NINH THÀNH	THÁI	11/06/1999		
34	TA0134	PHẠM VĂN	THĂNG	14/07/1999		
35	TA0135	LÊ CHÍ	THẮNG	27/04/1999		
36	TA220	BÙI THANH	TÙNG	03/01/1995		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01
A VIỆT NAM
húc

31.203

1/02/2022

[illegible]

Ghi chú